

Bản án số: 150/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thành.

Bà Trần Thị Xuân Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017, về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Trình Thị A. Cư trú tại: Thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng H. Cư trú tại: Thôn H, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 06/5/2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trình Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trình Thị A và anh Nguyễn Đăng H tự nguyện thương yêu nhau được một thời gian thì được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2002. Hai người tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 05/03/2003. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nên thường xuyên chửi mắng, xúc phạm nhau. Anh H không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình và nhiều lần đánh đập chị A. Từ tháng 8/2009 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan

tâm chăm sóc cho nhau. Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Đăng H.

Về con chung: Chị Trình Thị A trình bày vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 03/3/2003. Chị A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trình Thị A trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Đăng H nhưng trong thời hạn luật định anh H không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải.

Qua xác minh, bố anh H là ông Nguyễn Đăng G cho biết gia đình đã nhận được tất cả các bản bản tố tụng của Tòa án, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã giao lại cho anh H. Anh H đồng ý ly hôn chị A nhưng không đến Tòa án. Tòa án đã trực tiếp đến nhà anh H tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho anh H nhưng không tổng đạt được nên đã tiến hành lập biên bản đồng thời niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 21/7/2017, anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định ngày mở lại phiên tòa 07/8/2017, đồng thời tiến hành niêm yết công khai quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập anh H theo quy định của pháp luật nhưng anh H tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, cố tình cản trở, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trình Thị A về việc xin ly hôn anh Nguyễn Đăng H; chấp nhận yêu cầu của chị A về việc nuôi con chung, giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 03/3/2003 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại các Điều 175, Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập anh Nguyễn Đăng H là hợp lệ nhưng anh H đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trình Thị A và anh Nguyễn Đăng H tự nguyện thương yêu nhau, được gia đình tổ chức lễ cưới năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 05/03/2003 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị A, anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nên thường xuyên chửi mắng, xúc phạm nhau. Anh H không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, nhiều lần đánh đập chị A. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2009 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Gia đình cho biết anh H cũng đồng ý ly hôn nhưng do bận công việc không đến Tòa án được. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh H đã trầm trọng, tình cảm giữa hai người không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

[2.2] Về con chung: Chị Trình Thị A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 03/3/2003. Xét thấy cháu Nguyễn Đăng K hiện đang sống với chị A và có nguyện vọng được ở với chị A nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A về việc nuôi con, giao cháu K cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử đã giải thích quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trình Thị A trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Trình Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trình Thị A. Chị Trình Thị A được ly hôn anh Nguyễn Đăng H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 03/3/2003 cho chị Trình Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đăng H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Đăng H có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trình Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001541 ngày 17/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T.T-Huế;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS Phú Lộc;
- UBND xã V, huyện P, tỉnh T.T-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Sang

